

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/3/2025

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Ông Bùi Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn G, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 23/01/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn G có tổ chức lễ cưới và đến ngày 29/8/2022 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu thì vợ chồng chị sống rất hạnh phúc, sau thời gian phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh G không lo làm ăn mà chỉ lo ăn chơi, gây nợ nần và còn đánh đập chị, vợ chồng chị đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không ai

biết. Chị đã ly thân với anh G từ tháng 5/2024. Chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn G. Đồng thời xin được vắng mặt khi xét xử.

Về con chung: Chị Nguyễn T và anh Nguyễn G có hai con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 15/4/2001 và Nguyễn M, sinh ngày 15/02/2004, hiện nay các cháu đã trưởng thành, chị không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Theo biên bản lấy lời khai lập ngày 12/02/2025, bị đơn anh Nguyễn G trình bày:

Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn T. Giữa anh và chị T có hai con chung như chị T trình bày, H đã có gia đình riêng, còn M đủ khả năng lao động, anh cũng không có yêu cầu gì về con chung. Tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng thì anh cũng không có yêu cầu gì.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh G. Về con chung: Các con chung giữa anh G và chị T đều trưởng thành, không ai yêu cầu gì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn T và bị đơn anh Nguyễn G vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn T và anh Nguyễn G là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 29/8/2022 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh G và chị T, theo chị T cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh G không lo làm ăn mà chỉ lo ăn chơi, gây nợ nần và còn đánh đập chị, vợ chồng chị đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh G đã ly thân với nhau từ tháng 5/2024 đến

nay nên chị T nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh G. Anh G cũng có ý kiến thống nhất yêu cầu ly hôn với chị T. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh G và chị T đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, đã ly thân với nhau, hiện nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh G cũng đồng ý ly hôn, tình trạng mâu thuẫn giữa anh G và chị T là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh G.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn T và anh Nguyễn G có hai con chung. Các đương sự đều trình bày các con chung của anh chị hiện nay đã trưởng thành, có gia đình riêng và đủ khả năng lao động, không ai yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009775 ngày 24/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Nguyễn G không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn T được ly hôn với anh Nguyễn G.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009775 ngày 24/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Anh Nguyễn G không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường B, thị xã N;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng